TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀNỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Lê Xuân Sơn**

Bà **Nguyễn Thu Hương**

***Thư ký phiên toà*:** Ông **Khuất Tiến Phúc**, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 171/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982. Có mặt
Nơi ĐKHKTT: Thôn D, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.
Nơi ở hiện nay: Thôn G, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.
- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn H1**, sinh năm 1982; Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản khai tiếp theo của các bên đương sự tại Toà án, vụ án có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 22/4/2002. Thực tế, anh chị chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới từ năm 1999 nhưng do khi đó cả 02 vợ chồng đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đến khi đủ tuổi anh chị mới đăng ký kết hôn

Sau khi kết hôn, chị H về chung sống cùng gia đình anh H1 tại Thôn D, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, chị H và anh H1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh H1 không lo làm ăn mà cứ cờ bạc, chơi bời lêu lổng, đánh nhau. Khoảng năm 2022, 2023, anh H1 bị Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử phạt án treo về hành vi đánh nhau, gây rối trật tự công cộng và đang chấp hành án treo tại địa phương. Không những thế, anh H1 thường xuyên đánh đập chị nhiều năm nay. Chị cứ nín nhịn vì thương con nhưng đến ngày 29/10/2024, anh H1 đánh đập chị thậm tệ tại xưởng vải may mặc của gia đình khiến chị bị thương tích ở tay, chảy nhiều máu, phải đến trạm y tế xã để rửa, xử lý vết thương. Chị rất sợ hãi vì những hành vi của anh H1. Nay chị không còn sức chịu đựng nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1 để chị sớm ổn định cuộc sống.

Theo anh H1 thì trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, tuy đôi khi có xảy ra to tiếng, sô xát nhưng cũng chỉ là chuyện nhỏ mà gia đình nào cũng có, bát đũa còn có khi xô. Nguyên nhân của việc cãi cọ xô sát đó đều là do việc buôn bán làm ăn, về kinh tế gia đình. Cả 2 vợ chồng đều sinh năm 1982, tuổi con chó nên đều nóng tính, không ai chịu ai. Tính anh rất nóng nên đôi khi không kiềm chế được. Anh có vài lần đánh vợ nhưng sau lại ân hận, xin lỗi.

Hoàn cảnh gia đình anh chị hiện nay rất nhiều khó khăn. Cháu M con trai đầu của anh chị thì bị bệnh bại não nên vợ chồng phải chăm sóc. Cháu C bị bạn bè rủ rê tham gia đánh nhau nên bị xử phạt 15 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, cháu đang được hoãn thi hành án, ra Tết là phải đi chấp hành án. Còn anh, năm ngoái do bênh con có tham gia cũng bị xử phạt 25 tháng án treo. Nếu vợ chồng ly hôn thì các con tôi sẽ rất khổ. Do vậy chị H xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án cố gắng hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Trần Văn M, sinh ngày 22/10/2000, Trần Văn C sinh ngày 22/01/2007 và Trần Văn D, sinh ngày 03/10/2009.

Theo chị H thì cháu M đã 24 tuổi nhưng cháu bị bại não, hoàn toàn không có khả năng lao động và chị phải chăm sóc cho cháu. Chị xin được nuôi cháu M, còn hai cháu nhỏ thì tùy theo nguyện vọng của các cháu. Nếu chị nuôi cả 3 cháu hay nuôi 2 cháu thì chị cũng đồng ý và đều không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công việc bán vải may mặc tại xã T, thu nhập trung bình khoảng 20.000.000đ/tháng. Hiện nay mấy mẹ con chị thuê nhà ở Thôn G, xã T, còn anh H1 vẫn ở nhà cũ của vợ chồng. Nếu ly hôn, mẹ con chị vẫn ở nhà thuê, thu nhập của chị đảm bảo được việc ăn ở, sinh hoạt của cả 4 mẹ con.

Theo anh H1 thì nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì các cháu muốn ở với ai là tùy các cháu. Nếu tất cả các cháu đều muốn ở với anh thì anh đồng ý và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm công việc bán vải may mặc tại xã T, thu nhập trung bình khoảng 20.000.000đ/tháng. Về chỗ ở: Hiện nay anh đang ở nhà riêng tại Thôn D, xã T. Đây là tài sản có nguồn gốc đất là do bố mẹ anh cho, còn nhà thì vợ chồng xây dựng năm 2003, anh chị xây dựng được ngôi nhà 02 tầng, 01 tum,

anh chị ở riêng, không còn ở chung với bố mẹ anh nữa. Đất đã được cấp sổ đỏ đứng tên anh. Anh có đủ điều kiện để đảm bảo nuôi các con.

Về tài sản chung, công sức, về nợ: Cả chị H và anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/12/2024, Tòa án đã có buổi làm việc với bà Trưởng T 4, bà Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ Thôn D, bà Trưởng T 4 cho biết, trong giai đoạn bà làm Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã Tam Hiệp năm 2011-2021, chị H có thường gặp gỡ bà để nhờ giúp đỡ trong việc mâu thuẫn vợ chồng, trong giai đoạn đó, chị H đã phải thuê nhà ở riêng sống ly thân. Bà đã gặp gỡ hai bên, khuyên giải và anh chị đã về đoàn tụ. Và bà Chi hội trưởng chi hội phụ nữ Thôn D cho biết, gần đây có nghe dư luận phản ánh về việc vợ chồng chị H anh H1 có mâu thuẫn, bà đã hỏi thăm thì được chị H cho biết chị H thường bị anh H1 đánh đập, chửi bới nên chị cương quyết ly hôn.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và xin được nuôi cháu M và cháu D, cháu C có nguyện vọng muốn ở với bố nên chị đồng ý. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án đề nghị HĐXX xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1.

Về con chung: Giao cháu Trần Văn M, sinh ngày 22/10/2000, và cháu Trần Văn D, sinh ngày 03/10/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Văn C sinh ngày 22/01/2007 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu C, D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hai bên không phaỉ cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Các bên không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Bị đơn là anh Trần Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn D, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 kết hôn do tự nguyện. Anh chị tổ chức cưới và chung sống từ năm 1999, nhưng chưa đủ tuổi kết hôn nên đến ngày 22/4/2002, khi đã đủ tuổi kết hôn, anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, chị H và anh H1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh H1 chơi bời và thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Việc anh H1 đánh đập chị kéo dài đã nhiều năm, trước đây chị nín nhịn vì các con còn nhỏ, nay chị không chịu đựng được nữa nên xin ly hôn.

Anh H1 thừa nhận có vài lần đánh chị H nhưng sau đó lại ân hận, xin lỗi. Anh không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chỉ là bát đũa cũng có khi xô mà gia đình nào cũng có.

Các con chị H anh H1 cũng khẳng định bố thường xuyên đánh đập mẹ nhiều năm, kể từ khi các cháu còn nhỏ cho đến nay. Cán bộ đoàn thể ở địa phương cũng xác nhận trước đây anh chị cũng đã từng có mâu thuẫn và sống ly thân. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H anh H1 đã xảy ra từ lâu, nhiều lần, việc anh H1 đánh đập chị H là có thật. Ngày 29/10/2024, anh H1 đánh đập chị H thậm tệ nên từ đó anh chị sống ly thân.

HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh H1 có 03 con chung là Trần Văn M, sinh ngày 22/10/2000, Trần Văn C sinh ngày 22/01/2007 và Trần Văn D, sinh ngày 03/10/2009. Cháu M đã 24 tuổi nhưng bị bệnh, cháu có đi học hết lớp 12 nhưng không có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Cháu M và cháu D xin được ở với mẹ, cháu C xin ở với bố.

Cả chị H và anh H1 đều đề nghị giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các cháu và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Vì vậy, HĐXX giao cháu M và cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu C cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C, cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Các bên đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

+ Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Văn M, sinh ngày 22/10/2000, và cháu Trần Văn D, sinh ngày 03/10/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Văn C sinh ngày 22/01/2007 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu C, D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013345 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

+ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã Tam Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**